

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3776/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2022

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Vinh

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyền, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1329/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5454/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6288/2022/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1987

Hộ khẩu thường trú: 48/13 Chương Dương, tổ 9, khu phố 1, phường X, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trương Quang H, sinh năm 1979

Hộ khẩu thường trú: 48/13 Chương Dương, tổ 9, khu phố 1, phường X, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2022 và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

Bà Trần Thị Thu T và ông Trương Quang H tự nguyện tìm hiểu, năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, quận X, (nay là thành phố X), Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt và kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, khiến cho cuộc sống trở nên nặng nề. Mâu thuẫn kéo dài, nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình, không còn tình cảm, không còn gắn bó trách nhiệm với nhau. Nay bà T yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông Trương Quang H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hai ông bà có 01 con chung tên Trương Hà Bảo N(nữ), sinh ngày 23/02/2013. Ly hôn bà Trần Thị Thu T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà T không yêu cầu ông Trương Quang H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[2] Bị đơn ông Trương Quang H trình bày: Ông H xác nhận quan hệ hôn nhân đúng như bà Trần Thị Thu T trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng trong thời gian chung sống rất hạnh phúc, khoảng tháng 3 năm 2022 Ông H phát hiện bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, vợ chồng cãi vã và bà T đã dọn ra sống riêng. Ông H đã nhiều lần động viên, khuyên giải nhưng bà T không thay đổi, không trở về đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến chồng con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay, không còn quan tâm trách nhiệm với nhau. Nay Ông H không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Hai ông bà có 01 con chung tên Trương Hà Bảo N (nữ), sinh ngày 23/02/2013. Ly hôn Ông H yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông H yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung và thực tế Ông H không đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa;

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T: Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

[2] Đối với bị đơn **ông Trương Quang H**: Quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cho đến hôm nay, tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn không đến và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện Kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và không bổ sung gì thêm. Đối với bị đơn đã được tòa tổng đạt hợp lệ nhưng không đến và trong phiên tòa hôm nay bị đơn cũng không có mặt. Do đó đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử **chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa **bà Trần Thị Thu T và ông Trương Quang H** phát sinh từ quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình và bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn **bà Trần Thị Thu T** có đơn **yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện**; Bị đơn **ông Trương Quang H** vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt **các đương sự**.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **bà Trần Thị Thu T**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Thu T yêu cầu ly hôn với **ông Trương Quang H**.

Vấn đề này Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa **bà Trần Thị Thu T và ông Trương Quang H** là hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn **số 47 quyền số 01/2010** do Ủy ban nhân dân phường X, quận X (nay là thành phố X),

Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/4/2010. Theo **nguyên đơn** thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa **nguyên đơn** và bị đơn bắt đầu khoảng năm 2018, **tuy vợ chồng ở chung nhà nhưng đã ly thân từ đó đến nay**, vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi mặt và kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, khiến cho cuộc sống trở nên nặng nề. Mâu thuẫn kéo dài, nay vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình, không còn tình cảm, không còn gắn bó trách nhiệm với nhau. **Nên nguyên đơn** yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với **bị đơn** để ổn định cuộc sống.

Đối với ý kiến của bị đơn **ông Trương Quang H**: Sau khi đến Tòa cung cấp lời khai, trong suốt quá trình tố tụng vụ kiện, bị đơn được tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì. Nên HĐXX không xem xét gì thêm.

Căn cứ vào hồ sơ đơn kiện, các tài liệu chứng cứ và Lời trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa **nguyên đơn** và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, trên thực tế đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó trách nhiệm đối với nhau. Do đó yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của **nguyên đơn** phù hợp với giấy khai sinh **số 73/2013 quyển số 02/2012 của** Ủy ban nhân dân phường X, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì có đủ căn cứ xác định giữa **nguyên đơn** và bị đơn có 01 con chung tên Trương Hà Bảo N (nữ), sinh ngày 23/02/2013. Ly hôn **nguyên đơn** yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tên Trương Hà Bảo N vì thực tế **nguyên đơn** hiện đang nuôi dưỡng trẻ **và** nguyện vọng của trẻ cũng mong muốn được ở với mẹ, điều này là phù hợp nên HĐXX **chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn**.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu **bị đơn** cấp dưỡng nuôi con chung tên Trương Hà Bảo Ngọc. Căn cứ vào hợp đồng lao động ngày 01/12/2022 và đơn xác nhận thu nhập ngày 14/7/2022 nguyên đơn cung cấp, thể hiện nguyên đơn có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tên Trương Hà Bảo N. Mặt khác, bị đơn từ sau khi có lời khai tại tòa và trong suốt quá trình tố tụng vụ kiện, bị đơn được tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì. Xét, đây là sự tự nguyện của **nguyên đơn**, sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật và đạo đức nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có, nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: **Nguyên đơn** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273; Điều 482 và Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T được ly hôn ông Trương Quang H.

1.2/ Về con chung: Có con chung tên Trương Hà Bảo N (nữ), sinh ngày 23/02/2013.

Giao con chung tên Trương Hà Bảo N (nữ), sinh ngày 23/02/2013 cho bà Trần Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Trương Quang H không cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3/ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4/ Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn bà Trần Thị Thu T phải chịu, nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0027200 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. X;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS TP. X;
- Cơ quan đã thực **hiện việc ĐKKH**;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Loan